TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST Ngày: 29-01-2019 V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký.

2. Ông Lê Văn Long.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn Dân sự thụ lý số 134/2018/ DSST - TLST ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/DSST-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị M - Sinh năm: 1996.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm: 1986.

Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị Phun – Sinh năm: 1963.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện N, nguyên đơn chị Hà Thị M trình bày:

Về hôn nhân: chị Hà Thị M và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 18 tháng 6 năm 2015. Sau khi kết hôn chị M và anh K sinh sống tại địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình vợ, chồng chung sống anh chị thường xuyên cải vã do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Từ tháng 8 năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh K để anh chị chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 01 con chung và không có con riêng. Cháu tên là: Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng anh chị tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị M đề nghị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quỳnh C đến khi trưởng thành và yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà chị Hà Thị M không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

Theo bản tự khai ngày 07/12/2018 và biên bản hòa giải không thành lần thứ nhất ngày 17/12/2018, biên bản hòa giải không thành lần thứ 2 ngày 25/12/2018 tại Tòa án nhân dân huyện N, bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh K thống nhất như lời trình bày của chị M về tình trạng hôn nhân và con chung. Nhưng anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng đang còn, tình trạng hôn nhân có thể cải thiện được nên không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị M.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 01 con chung và không có con riêng. Cháu tên là: Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng anh chị tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nếu ly hôn, anh K đồng ý giao cháu Quỳnh C cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng, bà Hoàng Thị P (mẹ đẻ chị M) trình bày: Chị M và anh K kết hôn với nhau vào ngày 18/06/2015, có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và được tổ chức cưới hỏi

theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị M và anh K về nhà bà Phun sinh sống và làm việc đến nay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung, cháu tên là: Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng gia đình bà Phun tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống được khoảng 03 năm, vợ chồng chị M và anh K thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh K mặc dù sinh sống ở nhà vợ, nhưng thường xuyên đánh đập chị M, nhiều lúc còn dọa giết cả gia đình nhà vợ. Nay chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Theo ý kiến của tôi (bà Phun), nếu xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị M được ly hôn với anh K theo quy định của pháp luật để các bên chuyên tâm vào công việc làm ăn, chăm sóc con.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Trưởng thôn T và cán bộ Tư pháp xã T trình bày: chị M và anh K kết hôn với nhau vào ngày 18/06/2015, có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị M và anh K về nhà chị M sinh sống và làm việc đến nay mà không về nhà anh K. Chị M có HKTT tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Còn anh K mặc dù về nhà chị M sinh sống từ khi cưới nhau cho đến nay nhưng chưa chuyển khẩu về nhà chị M. Từ năm 2015 đến nay, chị M và anh K sinh sống ổn định tại nhà chị M tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung, cháu tên là: Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng gia đình chị M tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị M và anh K thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh K mặc dù sinh sống ở nhà vợ, nhưng thường xuyên đánh đập chị M, nhiều lúc còn dọa giết cả gia đình nhà chị M. Mặc dù chị M và anh K đã được hòa giải nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi. Nay chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Theo ý kiến của địa phương, nếu chị M và anh K không thể hòa hợp thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật để các bên chuyên tâm vào công việc làm ăn, chăm sóc con.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và hội thẩm nhân dân chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà chị Hà Thị M không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng bị đơn anh Nguyễn Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm N, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An, nhưng sau khi anh K và chị M kết hôn từ năm 2015 cho đến nay thì anh K về sinh sống và làm việc ổn định ở nhà chị M tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, ngày 04/12/2018 chị Hà Thị M và anh Nguyễn Văn K có biên bản thỏa thuận chọn Tòa án giải quyết vụ án ly hôn là chọn Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử không có lý do chính đáng đã được Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Hà Thị M và đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn K.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau theo đúng nghi thức và đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 18 tháng 6 năm 2015. Căn cứ vào Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì chị M và anh K đủ điều kiện kết hôn với nhau, thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh do mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, đến nay mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng và anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian từ khoảng tháng 08 năm 2018 đến nay. Mặt khác, theo trình bày của chị M thì mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng anh K luôn tìm đến chỗ làm của chị M để quấy nhiều, cản trở chị làm việc. Theo trình bày của người làm chứng và chính quyền địa phương chị M và anh K thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh K mặc dù sinh sống ở nhà vợ, nhưng thường xuyên đánh đập chị M, nhiều lúc còn dọa giết cả gia đình nhà chị M. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh K không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị M và anh K là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị không có con riêng và có 01 con chung. Cháu tên là: Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cháu đang sống cùng gia đình bà Phun tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cháu Quỳnh C hiện đang sống với chị M và mẹ đẻ chị M và tại phiên tòa chị M có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Quỳnh C đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị M là chính đáng và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận, giao cháu Quỳnh C cho chị M (Mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, vào thu nhập của chị M và anh K cũng như nhu cầu ăn học của cháu Quỳnh C. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa ngày hôm nay chị M có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho cháu Huyền, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với ý kiến của anh K tại bản tự khai và các biên bản hòa giải nên cần chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82; khoản 1 Điều 116; Điều 117 và khoản 1 Điều 118 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh chị, không ai được ngăn cấm theo Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản và nghịa vụ chung:* Chị M và anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí và Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Căn cứ vào Điều 6; 9 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị M là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo quyết định của Tòa án nên phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 57; 69; 70; 71; 72; 73; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều

147 BLTTDS. Điều 6; 9 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị M. Cụ thể như sau: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh C. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 29/11/2015 cho chị Hà Thị M (Mẹ đẻ) là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Quỳnh C đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh C mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Quỳnh C đủ tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng là theo định kỳ hàng hàng tháng một lần. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

*Về tài sản và nghĩa vụ chung**:*** Chị M và anh K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng chị M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0003366 ngày 04/12/2018 của C cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, chị M đã nộp đủ án phí ly hôn. Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Hà Thị M.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/01/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- C cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Người làm chứng;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn